



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



hân Cty

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 30
8. Phụ lục	31 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600253826 ngày 06 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty cổ phần thiết bị điện đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 21 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam)	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	2.850.000.000	2,38
Nhân viên công ty	14.438.170.000	12,03
Cổ đông khác	25.911.830.000	21,59
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở chính:

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : (84-61) 3836443 - 3836609
Fax : (84-61) 3836070
Email : thibidi@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3600253826

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại Hà Nội	27 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty cổ phần thiết bị điện là :

- Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp;
- Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Cho thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.	51%
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đắc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	51%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 5 năm 2010 như sau:

Trích lập các quỹ	11.956.874.690 VND
Chia cổ tức (2%)	2.400.000.000 VND
Cộng	14.356.874.690 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	29 tháng 12 năm 2009	-
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Thái Văn Dung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Lương Văn Trường	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần thiết bị điện đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

Ngày 22 tháng 7 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0684/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần thiết bị điện bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 4 năm 2011, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639.899.850.765	642.907.271.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	148.450.977.655	116.983.609.712
1. Tiền	111		57.450.977.655	116.483.609.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.000.000.000	500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.721.341.380	158.679.778.275
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	79.517.905.047	150.393.564.367
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	26.999.434.753	14.436.870.881
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.705.006.972	3.997.963.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(10.501.005.392)	(10.148.619.992)
IV. Hàng tồn kho	140		381.156.970.884	356.566.528.060
1. Hàng tồn kho	141	V.6	386.086.749.868	356.566.528.060
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(4.929.778.984)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.570.560.846	10.677.355.295
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62.370.000	96.688.700
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.949.597.985	128.616.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	1.032.735.790	1.249.182.423
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	6.525.857.071	9.202.867.899

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.996.115.397	74.261.622.376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.952.665.782	56.538.927.832
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	70.128.417.856	55.687.883.910
<i>Nguyên giá</i>	222		154.095.533.829	128.016.988.624
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(83.967.115.973)	(72.329.104.714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính			-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	824.247.926	851.043.922
<i>Nguyên giá</i>	228		1.172.065.200	1.172.065.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(347.817.274)	(321.021.278)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.250.504.871	2.002.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	12.148.504.871	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	4.102.000.000	2.002.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.792.944.744	15.720.694.544
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.918.287.687	7.060.771.849
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	2.874.657.057	3.659.922.695
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	9.000.000.000	5.000.000.000
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		742.895.966.162	717.168.893.718

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		533.770.633.398	565.024.210.130
I. Nợ ngắn hạn	310		532.617.766.707	544.293.488.977
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	364.225.613.102	316.878.069.889
2. Phải trả người bán	312	V.18	85.622.082.833	184.055.215.614
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	23.085.393.287	3.687.310.579
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	17.100.563.208	13.516.408.161
5. Phải trả người lao động	315	V.21	35.630.578.671	15.902.468.362
6. Chi phí phải trả	316	V.22	4.803.772.975	4.460.835.462
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	3.900.519.009	5.922.436.454
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	(1.750.756.378)	(129.255.544)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.152.866.691	20.730.721.153
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.25	141.783.640	730.255.348
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	734.905.051	442.515.105
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		276.178.000	19.557.950.700
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.894.665.505	141.981.719.345
I. Vốn chủ sở hữu	410		188.894.665.505	141.981.719.345
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(2.201.151.170)	(2.201.151.170)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.226.368.179	456.393.043
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.720.319.950	1.564.869.848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		229.500.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	58.369.768.299	20.611.747.377
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		20.230.667.259	10.162.964.243
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		742.895.966.162	717.168.893.718

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		205.035,68	461.119,60
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2011

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.112.581.784.198	920.051.512.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.224.000.000	90.082.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.111.357.784.198	919.961.429.691
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	905.977.350.186	760.370.116.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		205.380.434.012	159.591.312.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.504.237.482	3.010.357.754
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.021.533.415	33.144.580.081
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.019.213.630	32.052.815.335
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41.275.572.319	32.950.827.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	36.299.613.422	35.835.520.798
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		94.287.952.338	60.670.742.539
11. Thu nhập khác	31		180.158.541	299.765.981
12. Chi phí khác	32		13.996.874	16.253.202
13. Lợi nhuận khác	40		166.161.667	283.512.779
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.454.114.005	60.954.255.318
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	24.219.567.609	15.194.138.885
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15, V.25	196.793.930	(1.597.185.687)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.037.752.466	47.357.302.120
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		12.506.213.481	8.877.033.589
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		57.531.538.985	38.480.268.531
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	4.805	3.733

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2011



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94.454.114.005	60.954.255.318
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	11.920.582.476	11.082.193.325
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.7	5.282.164.384	10.148.619.992
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(893.210.975)	166.425.227
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(6.002.580.618)	(1.760.505.477)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	38.019.213.630	32.052.815.335
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		142.780.282.902	112.643.803.720
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		54.223.294.190	(104.154.750.964)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(29.520.221.808)	129.269.651.692
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(76.207.977.425)	39.589.744.739
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.176.802.862	12.533.914.526
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(37.629.480.429)	(31.005.765.930)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(24.605.841.988)	(5.342.777.988)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.472.034.968	38.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.882.473.979)	(20.446.320.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.806.419.293	133.126.099.338
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(26.334.320.426)	(5.658.669.075)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.455.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12, V.13	(14.248.504.871)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	5.754.184.785	1.729.881.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.828.640.512)	(2.883.332.745)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	25.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.201.151.170)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	717.598.873.841	567.616.697.676
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(668.640.125.385)	(603.648.322.921)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(2.558.776.000)	(20.849.510.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		46.399.972.456	(34.082.286.657)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31.377.751.237	96.160.479.936
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	116.983.609.712	20.841.056.125
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		89.616.706	(17.926.349)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	148.450.977.655	116.983.609.712

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2011



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần thiết bị điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần thiết bị điện (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp, thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện.
- Tổng số các công ty con** : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	51%	51%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia)	Lô P1-003, Đắc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Công ty mới thành lập

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Tập đoàn có 548 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 516 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 25

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Công thương, Cục Tài chính doanh nghiệp – Bộ Tài chính và Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

Ngày 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

Ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	884.154.986	780.633.539
Tiền gửi ngân hàng	56.566.822.669	109.502.976.173
Tiền đang chuyển	-	6.200.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	91.000.000.000	500.000.000
Cộng	148.450.977.655	116.983.609.712

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	63.950.196.015	78.676.672.583
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	15.567.709.032	71.716.891.784
Cộng	79.517.905.047	150.393.564.367

3. Trả trước người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	17.134.928.399	14.364.844.481
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	9.864.506.354	72.026.400
Cộng	26.999.434.753	14.436.870.881

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Công đoàn tiền vay mua cổ phần	2.033.126.755	2.033.126.755
Thuế thu nhập cá nhân phải thu lại người lao động	2.019.101.641	1.123.640.376
Lãi tiền gửi dự thu	248.395.833	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	14.692.399	129.361.310
Các khoản phải thu khác	389.690.344	711.834.578
Cộng	4.705.006.972	3.997.963.019

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	10.148.619.992
Trích lập dự phòng bổ sung	352.385.400
Số cuối năm	10.501.005.392

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	463.341.768	-
Nguyên liệu, vật liệu	203.104.742.226	220.460.797.768
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.059.642.591	58.338.273.823
Thành phẩm	102.272.897.279	74.862.133.516
Hàng hóa	33.186.126.004	2.905.322.953
Cộng	386.086.749.868	356.566.528.060

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt và Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho chậm luân chuyển.

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	4.886.994.994	2.954.016.165
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.458.007.643	3.294.744.248
Tài sản thiếu chờ xử lý	180.854.434	2.954.107.486
Cộng	6.525.857.071	9.202.867.899

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50.327.276.385	62.168.535.859	10.867.397.094	4.653.779.286	128.016.988.624
Mua trong năm	1.192.942.873	21.842.866.690	2.745.672.264	552.838.599	26.334.320.426
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(255.775.221)	-	(255.775.221)
Số cuối năm	51.520.219.258	84.011.402.549	13.357.294.137	5.206.617.885	154.095.533.829
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.520.692.574	28.593.141.937	3.680.312.054	2.230.003.885	36.024.150.450
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.491.365.327	44.228.648.146	6.230.585.118	3.378.506.123	72.329.104.714
Khấu hao trong năm	3.212.572.571	6.704.759.782	1.333.278.753	643.175.374	11.893.786.480
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(255.775.221)	-	(255.775.221)
Số cuối năm	21.703.937.898	50.933.407.928	7.308.088.650	4.021.681.497	83.967.115.973
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.835.911.058	17.939.887.713	4.636.811.976	1.275.273.163	55.687.883.910
Số cuối năm	29.816.281.360	33.077.994.621	6.049.205.487	1.184.936.388	70.128.417.856
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị hao mòn lần lượt là 151.908.800.112 VND và 68.503.026.663 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	788.188.000	363.814.725	20.062.475	1.172.065.200
Số cuối năm	788.188.000	363.814.725	20.062.475	1.172.065.200
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	256.630.725	20.062.475	276.693.200
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	300.958.803	20.062.475	321.021.278
Khấu hao trong năm	-	26.795.996	-	26.795.996
Số cuối năm	-	327.754.799	20.062.475	347.817.274
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	788.188.000	62.855.922	-	851.043.922
Số cuối năm	788.188.000	36.059.926	-	824.247.926
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

12. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia) USD 765,000 tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư USD 623,000.25 tương đương 12.148.504.871 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư USD 623,000.25, tương đương 81,44% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty liên doanh Thibidi (Cambodia) là USD 141,999.75.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	100.000	1.002.000.000	100.000	1.002.000.000
Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam	50.000	1.000.000.000	50.000	1.000.000.000
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam	200.000	2.100.000.000	-	-
Cộng		4.102.000.000		2.002.000.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn: tăng do mua mới cổ phiếu Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam trong năm.

14. Chi phí trả trước dài hạn

			Kết chuyển vào chi phí SXKD	
	Số đầu năm	Tăng trong năm	trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	5.516.475.958	3.772.836.969	(5.371.025.240)	3.918.287.687
Lợi thế thương mại	1.544.295.891	-	(1.544.295.891)	-
Cộng	7.060.771.849	3.772.836.969	(6.915.321.131)	3.918.287.687

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	3.659.922.695
Phát sinh trong năm	(785.265.638)
Số cuối năm	<u>2.874.657.057</u>

16. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ bảo lãnh dự thầu và ký quỹ thuê nhà.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	288.111.859.296	240.343.568.315
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ^(a)	249.532.353.886	160.516.807.499
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(b)	31.308.551.701	31.439.391.910
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	-	32.935.017.513
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	8.652.351.393
Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(c)	7.270.953.709	6.800.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	76.113.753.806	76.534.501.574
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam ^(d)	64.000.000.000	64.000.000.000
Các cá nhân khác ^(e)	12.113.753.806	12.534.501.574
Cộng	<u>364.225.613.102</u>	<u>316.878.069.889</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6 và V.10).

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6).

(d) Khoản vay Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam với lãi suất từ 7,8 – 13%/năm tùy theo thời điểm trong năm.

(e) Khoản vay các cá nhân khác với lãi suất 9,5 – 13%/năm và lãi suất USD là 3,6%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	240.343.568.315	711.892.644.103	(662.368.981.120)	(1.755.372.002)	288.111.859.296
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	76.534.501.574	5.706.229.738	(6.271.144.265)	144.166.759	76.113.753.806
Cộng	<u>316.878.069.889</u>	<u>717.598.873.841</u>	<u>(668.640.125.385)</u>	<u>(1.611.205.243)</u>	<u>364.225.613.102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	19.721.291.840	13.651.323.105
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	65.900.790.993	170.403.892.509
Cộng	85.622.082.833	184.055.215.614

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần thiết bị điện	22.194.101.536	1.648.053.421
Tại Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	891.291.751	2.039.257.158
Cộng	23.085.393.287	3.687.310.579

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.815.897.854	18.936.721.448	(14.966.292.022)	5.786.327.280
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	18.277.491.289	(18.277.491.289)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.431.293.748	(1.431.293.748)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.700.510.307	24.219.567.609	(24.605.841.988)	11.314.235.928
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(1.249.182.423)	1.956.500.951	(1.740.054.318)	(1.032.735.790)
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Cộng	12.267.225.738	64.829.575.045	(61.028.973.365)	16.067.827.418

(*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

21. Phải trả người lao động

Lương phải trả cho nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	2.415.127.009	1.869.048.328
Chi phí thuê xe	213.553.500	196.633.500
Chi phí lãi vay	1.391.470.002	1.001.736.801
Chi phí phải trả khác	783.622.464	1.393.416.833
Cộng	4.803.772.975	4.460.835.462

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	1.432.394.548	3.925.610.497
Kinh phí công đoàn	1.184.008.445	793.520.332
Cổ tức phải trả	210.380.758	397.009.558
Kinh phí hoạt động Đảng	879.009.805	611.570.614
Các khoản phải trả khác	194.725.453	194.725.453
Cộng	3.900.519.009	5.922.436.454

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(169.088.748)	11.192.212.089	500.000.000	(12.819.436.577)	(1.296.313.236)
Quỹ phúc lợi	39.833.204	990.737.363	-	(1.485.013.709)	(454.443.142)
Cộng	(129.255.544)	12.182.949.452	500.000.000	(14.304.450.286)	(1.750.756.378)

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	730.255.348
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(588.471.708)
Số cuối năm	141.783.640

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	442.515.105
Số trích lập trong năm	420.117.237
Số đã chi trong năm	(127.727.291)
Số cuối năm	734.905.051

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 31.

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần thiết bị điện đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước	2.558.776.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	2.558.776.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	139.264	139.264
- Cổ phiếu phổ thông	139.264	139.264
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.860.736	11.860.736
- Cổ phiếu phổ thông	11.860.736	11.860.736
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.112.581.784.198	920.051.512.341
- Doanh thu bán thành phẩm	946.020.302.539	710.392.081.092
- Doanh thu bán vật tư	9.300.094.240	68.597.707.516
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	136.204.738.711	134.962.922.249
- Doanh thu bán hàng hóa	13.032.211.292	5.148.931.173
- Doanh thu hoạt động xây dựng	7.356.315.018	-
- Doanh thu khác	668.122.398	949.870.311
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.224.000.000)	(90.082.650)
- Chiết khấu thương mại	-	(90.082.650)
- Hàng bán bị trả lại	(1.224.000.000)	-
Doanh thu thuần	1.111.357.784.198	919.961.429.691
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	946.020.302.539	710.392.081.092
- Doanh thu thuần bán vật tư	9.300.094.240	68.597.707.516
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	134.980.738.711	134.872.839.599
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	13.032.211.292	5.148.931.173
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	7.356.315.018	-
- Doanh thu thuần khác	668.122.398	949.870.311

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	773.266.543.207	590.272.668.666
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	6.808.674.919	61.830.871.992
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.471.285.932	611.011.055
Giá vốn của hàng hóa	111.479.178.903	107.655.565.092
Giá vốn của hoạt động xây dựng	7.021.888.241	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.929.778.984	-
Cộng	905.977.350.186	760.370.116.805

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.952.580.618	1.544.902.780
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.621.049.296	674.816.704
Lãi ký quỹ và chiết khấu thanh toán	940.711.475	378.512.480
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.000.000	184.978.550
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	893.210.975	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.685.118	227.147.240
Cộng	<u>9.504.237.482</u>	<u>3.010.357.754</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	38.019.213.630	32.052.815.335
Lãi mua hàng trả chậm	2.257.447.836	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	166.425.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.743.028.469	924.689.519
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.843.480	650.000
Cộng	<u>43.021.533.415</u>	<u>33.144.580.081</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	22.955.800
Chi phí nhân công	4.749.293.324	2.440.688.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	560.204.890	1.310.646.227
Chi phí chiết khấu bán hàng	23.265.330.340	19.215.987.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.360.675.914	4.272.410.475
Chi phí khác	9.340.067.851	5.688.138.657
Cộng	<u>41.275.572.319</u>	<u>32.950.827.222</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	14.162.135.166	9.137.050.320
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.362.585.307	1.097.131.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.245.140.761	1.256.487.699
Thuế, phí và lệ phí	1.758.848.856	773.848.984
Chi phí dự phòng	352.385.400	10.148.619.992
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.470.686.046	2.590.852.979
Chi phí khác	12.947.831.886	10.831.529.630
Cộng	<u>36.299.613.422</u>	<u>35.835.520.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.531.538.985	38.480.268.531
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.531.538.985	38.480.268.531
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	11.973.263	10.308.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.805	3.733

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.973.263	9.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành thêm trong năm	-	835.616
Ảnh hưởng mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	(26.737)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.973.263	10.308.879

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần thiết bị điện và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần thiết bị điện trong năm là 1.090.390.336 VND (năm trước là 1.179.047.532 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam - Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 64% cổ phần.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền vay phát sinh trong năm	-	30.000.000.000
Lãi vay phải trả trong năm	6.839.833.333	3.328.854.839

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền vay phải trả	64.000.000.000	64.000.000.000
Tiền lãi vay phải trả	693.333.333	882.000.000
Cộng nợ phải trả	64.693.333.333	64.882.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 2 đính kèm từ trang 32 đến trang 33.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn trong năm 2010 hầu hết diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	279.133.320	265.639.287
Trên 01 năm đến 05 năm	1.116.533.281	1.062.557.148
Trên 05 năm	10.133.686.652	9.917.200.045
Cộng	11.529.353.253	11.245.396.480

Công ty cổ phần thiết bị điện thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đã được ký với Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

4. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2011

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	1.549.860.247	-	-	833.640.089	-	1.489.521.467	98.873.021.803
Tăng vốn trong năm	25.000.000.000	-	-	-	-	-	-	25.000.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.201.151.170)	-	-	-	-	(2.201.151.170)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	38.480.268.531	38.480.268.531
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	456.393.043	731.229.759	-	(7.256.912.282)	(6.069.289.480)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(101.130.339)	(101.130.339)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	456.393.043	1.564.869.848	-	20.611.747.377	141.981.719.345
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	456.393.043	1.564.869.848	-	20.611.747.377	141.981.719.345
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	57.531.538.985	57.531.538.985
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	3.769.975.136	5.155.450.102	229.500.000	(17.016.074.690)	(7.861.149.452)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.372.147.200)	(2.372.147.200)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chi khác	-	-	-	-	-	-	(265.296.173)	(265.296.173)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	(2.201.151.170)	4.226.368.179	6.720.319.950	229.500.000	58.369.768.299	188.894.665.505

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2011



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất máy biến áp	Kinh doanh hàng hóa	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	946.020.302.539	134.980.738.711	30.356.742.948	1.111.357.784.198
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	946.020.302.539	134.980.738.711	30.356.742.948	1.111.357.784.198
Chi phí bộ phận	773.752.928.152	111.479.178.903	20.745.243.131	905.977.350.186
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	172.267.374.387	23.501.559.808	9.611.499.817	205.380.434.012
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(77.575.185.741)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				127.805.248.271
Doanh thu hoạt động tài chính				9.504.237.482
Chi phí tài chính				(43.021.533.415)
Thu nhập khác				180.158.541
Chi phí khác				(13.996.874)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(24.219.567.609)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(196.793.930)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				70.037.752.466
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

710.354.329.500

134.872.839.599

74.734.260.592

919.961.429.691

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

710.354.329.500

134.872.839.599

74.734.260.592

919.961.429.691

Chi phí bộ phận

589.915.885.486

107.655.565.092

62.798.666.227

760.370.116.805

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

120.438.444.014

27.217.274.507

11.935.594.365

159.591.312.886

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

(68.786.348.020)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

90.804.964.866

Doanh thu hoạt động tài chính

3.010.357.754

Chi phí tài chính

(33.144.580.081)

Thu nhập khác

299.765.981

Chi phí khác

(16.253.202)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(15.194.138.885)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.597.185.687

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

47.357.302.120

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

-

-

-

-

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

-

-

-

-

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

-

-

-

Nguyễn Văn Hiếu

Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2011



Ngô Thanh Nguyên

Giám đốc



• Head office	: 229 Dong Khoi St., District 1, Ho Chi Minh City	Tel: 08.3827 2295	- Fax: 08.3827 2300	- E-mail: kttv@a-c.com.vn
• Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City	Tel: 04.3736 7879	- Fax: 04.3736 7869	- E-mail: kttv.hn@a-c.com.vn
• Branch in Nha Trang	: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City, Khanh Hoa Province	Tel: 058.387 6555	- Fax: 058.387 5327	- E-mail: kttv.nt@a-c.com.vn
• Branch in Can Tho	: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City	Tel: 0710.376 4995	- Fax: 0710.376 4996	- E-mail: kttv.ct@a-c.com.vn

www.a-c.com.vn